

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 07/2021/DS-ST

Ngày 26.3.2021

V/v tranh chấp nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Chi

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2021, Thông báo hoãn phiên tòa số 04/2021/TB-TA ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng T - Sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 17, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, *(Có mặt)*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều D, Luật sư của Văn phòng luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư M Quang - Sinh năm 1992; Địa chỉ: 31 Đ, quận L, TP. Đà Nẵng, *(Có mặt)*.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1 - Sinh năm 1979; nơi cư trú: K119 H41/08 P, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, *(Có mặt)*.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Uyên T2 - Sinh năm 1976; nơi cư trú: K109/H64/17 P, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, *(Vắng mặt, không có lý do)*.

- Người làm chứng: Ông Lê Phong Q - Sinh năm 1978; nơi cư trú: K119/H41/15/11 P, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, (*Vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại Bản tự khai ngày 13 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Ngày 15 tháng 4 năm 2020, bà Nguyễn Thị T1 có thỏa thuận chuyển nhượng cho bà lô đất tại thửa đất số 604, tờ bản đồ 17 tại tổ 40, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng với giá 310.000.000đ (*Ba trăm mười triệu đồng*). Bà đã giao đủ số tiền trên cho bà T1. Tuy nhiên, qua nhiều lần trao đổi, bà T1 không giao được đất nên ngày 02 tháng 3 năm 2020, bà T1 có viết Giấy cam kết đồng ý trả lại cho bà T số tiền 310.000.000đ trong thời gian 60 ngày và trả lãi suất 3.000.000đ/tháng.

Đến nay, bà T1 vẫn không trả tiền. Do bà T1 không thực hiện đúng cam kết nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả số tiền 310.000.000đ. Bà không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà T trình bày: Sau khi bà gửi Đơn tố cáo hành vi làm giả hồ sơ đất 03 lá và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà T1 đến Tòa án nhân dân quận L thì hiện nay, theo thông báo của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L, bà Lê Uyên T2 (*Người mà bà T1 trình bày là chủ sử dụng đất*) đã nộp trả số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Do vậy, bà đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T1 phải trả cho bà số tiền còn lại là 290.000.000đ (*Hai trăm chín mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

* Tại Bản tự khai ngày 13 tháng 11 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà xác nhận ngày 02 tháng 3 năm 2020, bà có viết Giấy cam kết trả lại cho bà T số tiền 310.000.000đ do trước đó bà có chuyển nhượng cho bà T lô đất, nhưng do đất chưa bàn giao xong nên việc chuyển nhượng không thành. Tuy nhiên, thực tế, số tiền này bà nhận từ bà T và đưa qua cho bà Lê Uyên T2 - Là chủ sử dụng đất, chứ bà không giữ. Bà không đồng ý trả tiền cho bà T, mà bà T2 mới là người có trách nhiệm trả tiền cho bà T.

Tại phiên tòa, bà T1 trình bày: Sau khi nhận tiền từ bà T, bà giữ lại số tiền 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*) và giao cho bà T2 số tiền còn lại. Nay, bà T yêu cầu bà trả số tiền 290.000.000đ thì bà đồng ý, nhưng bà không có khả năng trả ngay mà phải chờ bà T2 trả tiền (*Theo như cam kết tại cơ quan Công an*).

* Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1, Tòa án nhân dân quận L đã đưa bà Lê Uyên T2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã nhiều lần thông báo và triệu tập nhưng bà T2 không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, bà T2 vắng mặt lần hai không có lý do.

* Tại Bản trình bày ngày 15 tháng 01 năm 2021, người làm chứng - ông Lê Phong Q trình bày: Ông là anh chồng của bà Nguyễn Thị Mộng T. Do chồng của bà T đi làm nên có nhờ ông đứng ra đo đạc, xác định ranh giới đất nhưng đến ngày hẹn, bà T1 không thực hiện được công việc theo thỏa thuận. Ngày 02 tháng 3 năm 2020, ông có chứng kiến bà T1 viết giấy cam kết trả tiền cho bà T.

Tại Đơn xin phép ngày 15 tháng 01 năm 2021, ông Q đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận L đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Uyên T2, nhưng tại phiên tòa, bà T2 vẫn vắng mặt lần hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T2.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án và lời xác nhận của bị đơn - bà Nguyễn Thị T1 trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, bà T1 có viết Giấy cam kết trả lại cho bà T số tiền 310.000.000đ (*Ba trăm mười triệu đồng*) do việc chuyển nhượng đất không thành, nguồn gốc đất không rõ ràng. Bà T1 cam kết trả trong thời hạn 60 ngày, kể từ ký giấy.

Đến nay, bà T đã nhận được số tiền trả 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Do bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại các điều 278 và 280 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T, xử buộc bà T1 phải thanh toán cho bà T số tiền 290.000.000đ (*Hai trăm chín mươi triệu đồng*) là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

Xét trình bày của bà Nguyễn Thị T1 về việc có giao cho bà Lê Uyên T2 số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) từ số tiền nhận của bà T: Đây là giao dịch dân sự giữa bà T1 và bà T2. Trường hợp có tranh chấp thì khởi kiện vụ án dân sự khác.

Đối với Đơn tố cáo của bà T1, Tòa án nhân dân quận L đã gửi Công văn số 953/CV-TA ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc cung cấp tin báo tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L. Ngày 05 tháng 02 năm 2021, bà T có Đơn xin rút nội dung tố cáo bà T1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà số tiền 310.000.000đ. Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L đang xử lý tin báo tội phạm.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 274, 275, 278 và 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T đối với bà Nguyễn Thị T1 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền”.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mộng T số tiền 290.000.000đ (*Hai trăm chín mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị T1 phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mộng T số tiền tạm ứng án phí 7.750.000đ (*Bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0004657 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy